

Số: 108/2019/QĐST-HNGĐ

Thanh Ba, ngày 31 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 155/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị B** - sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu 7 thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T** - sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu 7 thị trấn T, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam chi nhánh Thanh Ba do ông Nguyễn Mạnh H - Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh đại diện theo ủy quyền.

Địa chỉ: Khu 9 thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Thanh Ba do ông Dương Anh T - Giám đốc - đại diện theo ủy quyền.

Địa chỉ: Khu 4 thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

3. Ông Nguyễn Kim T sinh năm 1948.

Địa chỉ: Khu 7 thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

4. Ông Bùi Xuân T sinh năm 1952

Địa chỉ: Khu 4 xã G, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Bùi Thị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Công C sinh ngày 17/02/2006, Nguyễn Văn M sinh ngày 12/7/2014. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

- **Về tài sản chung, công nợ chung:** Các bên thống nhất và thỏa thuận:

Anh Nguyễn Văn T sở hữu một nhà xây kiểu nhà cấp bốn làm trên đất của mẹ đẻ anh T (bà Phạm Thị N) tại Khu 7 thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ trị giá 150.000.000đ. Anh T có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ chung của vợ chồng gồm: Trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam chi nhánh T 75.000.000đ tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng; Trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – phòng giao dịch T 20.000.000đ tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng; Trả nợ ông Nguyễn Kim T 22.000.000đ tiền gốc.

Chị Bùi Thị B có nghĩa vụ trả nợ riêng cho ông Bùi Xuân T là 57.000.000đ, trả nợ chung cho ông Nguyễn Kim T 22.000.000đ. Không bên nào phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bên kia.

Tiếp tục duy trì hợp đồng cho vay số 2711-LAV-201701020 ngày 07/3/2017 và phụ lục hợp đồng số 01/2019/PLHĐTD ngày 13/3/2019 cho đến khi anh Nguyễn Văn T trả hết nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam chi nhánh T.

Tiếp tục duy trì phê duyệt vay vốn ngày 21/8/2014 của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – phòng giao dịch T cho đến khi anh T trả hết nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - phòng giao dịch T.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì chị Bùi thị B, anh Nguyễn Văn T còn phải trả người được thi hành án tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Về đất nông nghiệp, công sức:** Chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Văn T đều thừa nhận không có, không đề nghị giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Bùi Thị B nhận nộp 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị B đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2016/0001724 ngày 10/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba. Hoàn trả lại cho chị Bùi Thị B 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Thanh Ba;
- UBND TT T;
- Chi cục THA huyện Thanh Ba;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Lệ Thanh